TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỦ LÝ** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2025/HNGĐ-ST
Ngày 02 - 6 - 2025
V/v: Kiện xin ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Huê và bà Nguyễn Thị Chương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025 về việc "Kiện xin ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ 4, phường LC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

**** Bị đơn:*** Anh Trần Đ.A, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ 4, phường LC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa có mặt đầy đủ các đương sự.

NỘI D VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, các lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án thì nội D vụ án như sau:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Đ.A kết hôn hoàn toàn tự nguyện, trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm, sau đó được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhân Nghĩa, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam vào ngày 16/01/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mẫu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vợ chồng không đoàn tụ được. Hiện nay mặc dù vẫn sống chung một nhà nhưng anh chị đã ly thân từ năm 2019 đến nay, không bên nào còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị Nguyễn Thị D xác định tình cảm

vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Đ.A. Anh Trần Đ.A xác định vẫn còn tình cảm với chị D nên không đồng ý ly hôn, anh xin đoàn tụ vợ chồng.

- Về con chung: Chị D và anh Đ.A xác định có hai con chung là cháu Trần Nhật H (con trai), sinh ngày 04/10/2004 và cháu Trần Đức N (con trai), sinh ngày 16/6/2013. Hiện nay cháu H đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi vợ chồng ly hôn, chị D và anh Đ.A đều có quan điểm giao chị D nuôi cháu Trần Đức N, anh Trần Đ.A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa anh Trần Đ.A không nhất trí cấp dưỡng nuôi cháu N chị Nguyễn Thị D cũng nhất trí.

Con nuôi, con riêng: Chị D và anh Đ.A đều thống nhất không có. Hiện chị D không có thai nghén gì.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Nguyện vọng của cháu Trần Đức N: Nếu bố mẹ ly hôn cháu xin được ở với mẹ là Nguyễn Thị D.

* Quan điểm của UBND phường Liêm Chính: Chị Nguyễn Thị D có đơn xin ly hôn anh Trần Đ.A đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung theo quy định pháp luật.

* Tại phiên toà hôm nay: Về cơ bản các đương sự giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trước đó tại Tòa án. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị D xin nuôi cháu Trần Đức Nam không yêu cầu anh Đ.A cấp dưỡng nuôi cháu Nam vì anh Đ.A không nhất trí cấp dưỡng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng, ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Căn cứ các Điều 28; 35; 39; 68; 144; 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Trần Đ.A.

2/ Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Đức N (con trai), sinh ngày 16/6/2013, Anh Trần Đ.A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D.

3/ Về án phí ly hôn: Chị D phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Trần Đ.A có nơi cư trú tại tổ 4, phường LC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án "Kiện xin ly hôn, nuôi con chung" giữa chị Nguyễn Thị D và anh Trần Đ.A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về hôn nhân:

Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị D và anh Trần Đ.A là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhân Nghĩa, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam vào ngày 16/01/2004 thỏa mãn với điều kiện, thủ tục kết hôn được Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị D và anh Đ.A đã có thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có 02 con chung sau đó mới phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mặc dù vẫn sống chung một nhà nhưng vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay không bên nào còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị D có đơn xin ly hôn, anh Đ.A không đồng ý ly hôn, tuy nhiên anh Đ.A không đưa ra được biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị D và anh Đ.A đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Trần Đ.A là phù hợp với thực tế và pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Đ.A có hai con chung là cháu Trần Nhật H (con trai), sinh ngày 04/10/2004 và cháu Trần Đức N (con trai), sinh ngày 16/6/2013. Hiện nay cháu H đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên cả chị D và anh Đ.A đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu Trần Đức N chị D có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy: Tại buổi hòa giải và tại phiên tòa chị D xin nuôi dưỡng cháu N, anh Đ.A cũng nhất trí. Do vậy cần giao cháu N cho chị D nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nam và không yêu cầu anh Đ.A cấp dưỡng nuôi con cùng chị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về con nuôi, con riêng: Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Đ.A đều xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị D phải nộp theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Trần Đ.A.

2/ Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Trần Đức N (con trai), sinh ngày 16/6/2013 cho đến khi cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi, anh Trần Đ.A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị D.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000đ. Chị D được đối trừ với 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002167 ngày 04 tháng 4 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị D đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, chị D và anh Đ.A có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THA dân sự TP Phủ Lý;
- UBND xã Nhân Nghĩa, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam (ĐKKH ngày 16/01/2004);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuyên